**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TỈNH QUẢNG TRỊ**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 Số: /TTr-UBND *Quảng Trị, ngày tháng năm 2023*

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền**

**núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến**

**năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa VIII, kỳ họp thứ....dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được xây dựng trên cơ sở Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Theo đó, quy định tính điểm để phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 1, Dự án 3 Tại mục I, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND chỉ bao gồm kinh phí để thực hiện các nội dung gồm:

+ Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng đối với rừng quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình;

+ Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung;

+ Đối với diện tích đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ;

+ Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ đối với diện tích đất được quy hoạch trồng rừng phòng hộ đã giao cho hộ gia đình theo quy định hiện hành. Hộ gia đình được hưởng lợi từ rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và các quy định có liên quan;

 + Trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung, trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng rừng phòng hộ.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính có quy định “Kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng và không trùng với các chương trình, dự án khác, được bố trí trong tổng kinh phí cấp cho các đơn vị, địa phương thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3”.

Trong giai đoạn 2016-2020, hàng năm nguồn kinh phí này đã được UBND tỉnh bố trí kinh phí cho các đơn vị, địa phương theo quy định tại Khoản 3, Điều 3, Thông tư 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với mức chi được tính bằng 7% trên tổng kinh phí bố trí cho các hoạt động quản lý, kiểm tra, nghiệm thu giao khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung của chủ rừng thuộc sở hữu nhà nước.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2021-2025, do tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND không quy định tính điểm để phân bổ kinh phí cho công tác quản lý, kiểm tra, nghiệm thu. Vì vậy, trong các năm qua, việc phân bổ kinh phí cho Tiểu dự án 1, Dự án 3 không bao gồm kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu nên không có cơ sở để phân bổ vốn và gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của các đơn vị, địa phương trong quá trình thực hiện.

Để đảm bảo kinh phí phân bổ cho Tiểu dự án 1, Dự án 3 bao gồm các nội dung quy định tại Thông tư 15/2022/TT-BTC, làm cơ sở kịp thời bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương trong các năm qua và phân bổ vốn cho các năm tiếp theo, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III, Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích:**

Điều chỉnh phương pháp phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 3 quy định tại Phụ lục IIII ban hành kèm theo Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh để làm cơ sở phân bổ vốn phù hợp với quy định.

**2. Quan điểm sửa đổi, bổ sung Nghị quyết:**

Đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong việc cụ thể hóa quy định của trung ương, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan, đơn vị thực hiện các hoạt động đặc thù, đảm bảo đúng nguyên tắc, tỷ lệ phân bổ vốn giữa các cấp.

Đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng và ban hành Nghị quyết.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản quy định của Trung ương, ngày 05/5/2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 1051/SNN-KHTC về việc đề xuất tham mưu UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh. Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc tỉnh đã có báo cáo số 77/BC-BDT ngày 05/5/2023 đề xuất UBND tỉnh bổ sung nội dung nêu trên trình kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh khóa VIII và đã được UBND tỉnh chấp thuận trình HĐND tỉnh bổ sung đưa vào Chương trình kỳ họp thứ 18 HĐND tỉnh.

2. Ban Dân tộc tỉnh đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Tổ chức lấy ý kiến góp ý của Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan; đăng tải toàn văn dự thảo trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo đúng quy định của pháp luật về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Tổng hợp, nghiên cứu các ý kiến tham gia để tiếp thu, bổ sung hoàn chỉnh các dự thảo (có báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến tham gia của các cơ quan đơn vị kèm theo).

4. Gửi Sở Tư pháp thẩm định văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và hoàn thiện các Dự thảo trình UBND tỉnh (có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp).

**III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị quyết 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm có 02 Điều.

**2. Nội dung**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Sửa đổi, bổ sung khoản 2. Phân bổ vốn sự nghiệp, mục I. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp:

a) Phân bổ vốn tối đa cho các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương: 100% tổng số vốn của Tiểu dự án, trong đó bao gồm kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu.

b) Đối với kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại Điều 9 Thông tư 15/2022/TT-BTC áp dụng phương pháp tính điểm cho đơn vị và địa phương theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung tiêu chí | Số điểm | Số lượng | Tổng số điểm |
| 1 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (\*) | 0,004 | a | 0,004 x a |
| 2 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình | 0,004 | b | 0,004 x b |
| 3 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung | 0,016 | c | 0,016 x c |
| 4 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ | 0,1 | d | 0,1 x d |
| 5 | Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ | 0,3 | đ | 0,3 x đ |
| 6 | Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ | 0,12 | e | 0,12 x e |
| Tổng cộng điểm (1+2+3+4+5+6) |   |   |   |

Số lượng (a,b,c,d,đ: là đơn vị diện tích, căn cứ vào thực trạng của các địa phương; e: là đơn vị tấn, được tính toán trên cơ sở quy định hỗ trợ 15kg gạo/nhân khẩu/tháng đối với các hộ tham gia chuyển đổi đất nương rẫy sang trồng rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ hoặc trồng rừng phòng hộ theo quy định tại Nghị định [75/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-75-2015-nd-cp-bao-ve-phat-trien-rung-gan-giam-ngheo-nhanh-ben-vung-ho-tro-dong-bao-dan-toc-289679.aspx) ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh và bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020).

(\*) Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ: diện tích rừng Nhà nước giao cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ được Nhà nước giao cho các tổ chức kinh tế theo quy định hiện hành; diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã trực tiếp quản lý.

c) Đối với kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu được tính bằng 7% trên tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ, hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ của chủ rừng trong giai đoạn 2022-2025 và không trùng với các chương trình, dự án khác.

Áp dụng phương pháp tính điểm bằng 7% tổng số điểm của từng nội dung được hỗ trợ kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu nêu trên cho đơn vị hoặc địa phương triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**(Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm có:** *Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị góp ý vào dự thảo; Báo cáo thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp ; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp*)./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - Như trên; **-** Thường trực Tỉnh ủy; - Các Ban của HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Sở, ngành: Ban Dân tộc, KH&ĐT, Tài chính, NN và PTNT, Tư pháp;- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, TH.  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |